

ĐỀ THI MINH HỌA
(Đề thi có 05 trang)

**BÀI THI ĐÁNH GIÁ ĐẦU VÀO ĐẠI HỌC
TRÊN MÁY TÍNH**

Bài thi: Địa lí

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Từ câu hỏi 01 đến 09, thí sinh ghi dấu X vào cột Đúng hoặc Sai tương ứng với nội dung ghi ở cột bên trái.

Câu 1. Khu vực kinh tế Nhà nước ở nước ta hiện nay.

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.		
2. Chỉ đầu tư vào công nghiệp năng lượng.		
3. Thu hút phần lớn lao động ở trong nước.		
4. Là khu vực không có sự tăng trưởng.		

Câu 2. Cho thông tin về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Có đường biên giới trên bộ kéo dài.		
2. Nhiều tỉnh tiếp giáp với Biển Đông.		
3. Là vùng giàu tài nguyên khoáng sản.		
4. Có cả cây trồng cận nhiệt và ôn đới.		

Câu 3. Cho thông tin về vùng Tây Nguyên.

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Tiếp giáp với nước Lào và Campuchia.		
2. Khí hậu không phân hóa theo độ cao.		
3. Chỉ trồng các cây công nghiệp nhiệt đới.		
4. Tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta.		

Câu 4. Phân bố dân cư ở nước ta hiện nay.

Nhận định	Đúng	Sai
1. Tác động mạnh mẽ đến việc đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, đào tạo lao động.		
2. Tác động mạnh mẽ đến thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.		
3. Tác động mạnh mẽ đến bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.		
4. Tác động mạnh mẽ đến giải quyết việc làm, khai thác tài nguyên, phát triển kinh tế.		

Câu 5. Cho thông tin về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Có tài nguyên du lịch văn hóa đa dạng với nhiều di sản thế giới.		
2. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển và tương đối đồng bộ.		
3. Có dân số đông nhất so với các vùng kinh tế trọng điểm khác.		
4. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo khá cao.		

Câu 6. Ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay.

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Phát huy hiệu quả các thế mạnh, đẩy nhanh tăng trưởng nền kinh tế.		
2. Khắc phục hạn chế của thiên tai, sử dụng hiệu quả nguồn khoáng sản sẵn có.		
3. Khai thác hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.		
4. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.		

Câu 7. Du lịch biển, đảo của nước ta hiện nay.

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Trung tâm du lịch biển được nâng cấp.		
2. Phát triển mạnh vào mùa đông ở phía Bắc.		
3. Nhiều đảo được đưa vào hoạt động du lịch.		
4. Chỉ đầu tư loại hình thể thao dưới nước.		

Câu 8. Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào giữa và cuối mùa hạ cho miền Bắc và Nam nước ta.

Nhận định	Đúng	Sai
1. Hoạt động gió mùa Đông Bắc, độ cao địa hình.		
2. Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của bão biển.		
3. Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, áp thấp.		
4. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương, frông nóng.		

Câu 9. Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ.

Nhận định	Đúng	Sai
1. Phát huy được hết thế mạnh du lịch của vùng biển và thềm lục địa.		
2. Tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.		
3. Khai thác thế mạnh mỗi vùng, góp phần tạo ra cơ cấu ngành.		
4. Nâng cao trình độ lao động cho cả nước, hạn chế nạn du canh du cư.		

Từ câu hỏi 10 đến 15, thí sinh chọn phương án đúng trong 4 phương án A, B, C, D đã cho.

Đọc nội dung sau và trả lời các câu hỏi từ 10 đến 12.

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2015	2021
Lúa đông xuân	3013,2	2942,1	3085,9	3168,0	3006,8
Lúa hè thu	2292,8	2349,3	2436,0	2869,1	2673,5
Lúa mùa	2360,3	2037,8	1967,5	1790,9	1558,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Câu 10. Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích lúa các mùa vụ ở nước ta giai đoạn 2000 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Đường.

B. Cột.

C. Miền.

D. Tròn.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ ở nước ta năm 2021 so với năm 2000.

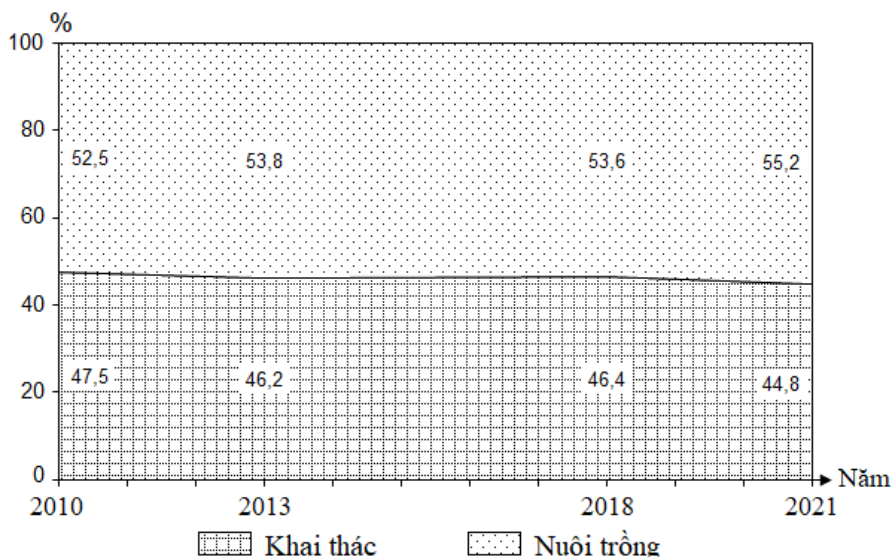
- A. Lúa đông xuân tăng, lúa hè thu giảm. C. Lúa hè thu tăng, lúa mùa giảm.
 B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng. D. Lúa đông xuân giảm, lúa hè thu giảm.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng về cơ cấu diện tích lúa các mùa vụ ở nước ta giai đoạn 2000 - 2021?

- A. Lúa mùa chiếm tỉ lệ cao nhất. C. Tỉ lệ lúa đông xuân cao hơn lúa mùa.
 B. Lúa đông xuân chiếm tỉ lệ thấp nhất. D. Tỉ lệ lúa hè thu cao hơn lúa đông xuân.

Đọc nội dung sau và trả lời các câu hỏi từ 13 đến 15.

Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Câu 13. Từ biểu đồ trên, nội dung nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2021?

- A. Sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản.
 B. Sản lượng thủy sản và tốc độ tăng trưởng.
 C. Quy mô và sự phát triển sản lượng thủy sản.
 D. Tốc độ tăng trưởng thủy sản và cơ cấu sản lượng.

Câu 14. Nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác, tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta năm 2021 so với năm 2010?

- A. Khai thác giảm, nuôi trồng tăng. B. Khai thác tăng, nuôi trồng giảm.
 C. Khai thác giảm, nuôi trồng giảm. D. Khai thác tăng, nuôi trồng tăng.

Câu 15. Cho biết sản lượng thủy sản nước ta năm 2021 là 8826,8 nghìn tấn, tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm 55,2%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng (nghìn tấn) nước ta năm 2021 là

- A. 4872,4. B. 8472,4. C. 4784,1. D. 7484,1.

Từ câu hỏi 16 đến 20, thí sinh ghép mỗi nội dung ở cột bên trái với một nội dung ở cột bên phải thành nội dung đúng.

Câu 16.

1. Phân bố đô thị ở nước ta hiện nay	A. chỉ tập trung ở các thành phố cực lớn.
2. Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay	B. tiêu thụ sản phẩm hàng hóa đa dạng.
3. Số dân thành thị ở nước ta hiện nay	C. chiếm tỉ lệ còn thấp trong dân số cả nước.
4. Các thành phố, thị xã là nơi	D. diễn ra còn chậm và trình độ thấp.

	E. có tỉ lệ người thất nghiệp rất thấp.
	F. không đồng đều giữa các vùng.

Câu 17.

1. Thuận lợi chủ yếu phát triển cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là	A. đất phù sa màu mỡ, khí hậu thuận lợi, nguồn nước dồi dào.
2. Thuận lợi chủ yếu phát triển cây lúa ở nước ta là	B. đất cát ven biển, khí hậu nóng quanh năm, nhiều sông.
3. Chăn nuôi lợn ở nước ta phát triển chủ yếu dựa vào	C. đồng cỏ tự nhiên, thức ăn chế biến, điều kiện sinh thái thích hợp.
4. Chăn nuôi trâu ở nước ta chủ yếu dựa vào	D. điều kiện chăn thả trong rừng, khí hậu khô nóng.
	E. khí hậu nhiệt đới, nhiều loại đất feralit tốt phân bố rộng.
	F. thức ăn từ lương thực, thực phẩm, thức ăn công nghiệp.

Câu 18.

1. Mạng lưới đường bộ của nước ta được mở rộng nhờ	A. chiến lược phát triển táo bạo, cơ sở vật chất được hiện đại hóa.
2. Vận tải đường biển nước ta phát triển dựa vào	B. thêm lục địa nông và mở rộng, có bãi triều thấp, phẳng.
3. Giao thông vận tải đường hàng không phát triển nhanh nhờ có	C. huy động được các nguồn vốn, được tập trung đầu tư.
4. Vận tải đường ống ở nước ta hiện nay phát triển gắn với	D. phát triển cơ sở hạ tầng của đô thị, giảm quy mô dân số nông thôn.
	E. vị trí nằm trên đường hàng hải quốc tế, có đường bờ biển dài, vịnh nước sâu.
	F. phát triển của ngành dầu khí, đặc biệt ở thêm lục địa phía Nam.

Câu 19.

1. Thị trường xuất khẩu nước ta hiện nay mở rộng do	A. phát triển các ngành công nghiệp, nhu cầu tiêu dùng.
2. Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu của nước ta là	B. khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.
3. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là	C. nguyên liệu, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
4. Các mặt hàng nhập khẩu của nước ta phục vụ chủ yếu cho	D. Châu Phi và khu vực Mĩ La tinh.
	E. quá trình đô thị hóa rất nhanh, nhiều thành phố lớn.
	F. kinh tế tăng trưởng, đa dạng hóa thị trường.

Câu 20.

1. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt trung bình năm cao hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do	A. vị trí nằm ở gần vùng xích đạo, gió, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
2. Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ chủ yếu do	B. dãy núi Hoàng Liên Sơn cao chắn gió mùa Đông Bắc, các dãy núi biên giới Việt Lào gây hiện tượng phơn.
3. Nguyên nhân chủ yếu làm cho vùng núi Tây Bắc có mùa đông ngắn chủ yếu do	C. nằm ở vùng nội chí tuyến, trong khu vực gió mùa châu Á.
4. Nguyên nhân chủ yếu làm cho vùng núi Đông Bắc có một mùa đông kéo dài và lạnh nhất do	D. vị trí đón gió mùa Đông Bắc, hướng núi vòng cung đón gió.
	E. vị trí gần chí tuyến Bắc, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc.
	F. xa biển, địa hình núi thấp, gió tín phong hoạt động mạnh.

Từ câu hỏi 21 đến 25, thí sinh ghi câu trả lời vào ô vuông tương ứng.

Câu 21. Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu của rừng, vườn quốc gia thuộc loại rừng nào ở nước ta?

Trả lời:

Câu 22. Do nước ta nằm liền kề vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên loại tài nguyên nào ở nước ta đa dạng?

Trả lời:

Câu 23. Trong 7 vùng kinh tế ở nước ta hiện nay, vùng nào có thu nhập bình quân đầu người cao nhất?

Trả lời:

Câu 24. Khoáng sản nào được sử dụng làm nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta?

Trả lời:

Câu 25. Tuyến đường bộ (đường ô tô) nào có vai trò quan trọng nhất trong việc thúc đẩy giao lưu kinh tế - xã hội giữa vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với cả nước? (*đáp án bằng số*).

Trả lời:

----- **HẾT** -----